

**BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20201**  
**Lớp ĐTCN 3 K10 Mã lớp học 30,780 Lý thuyết**

Môn học: ĐTCMH42 Kỹ thuật Truyền hình

Giáo viên: *Ths. Dương Thanh Hương*

Số đơn vị học trình: 2

Ngày thi: *26-12-2020*

| STT | Mã SV    | Họ và tên           | Ngày sinh  | Điểm                                       | Số tờ | Chữ ký SV | Ghi chú  |
|-----|----------|---------------------|------------|--------------------------------------------|-------|-----------|----------|
| 1   | CD182370 | Nguyễn Quốc Anh     | 03/10/1999 | 2,5                                        |       | Anh       |          |
| 2   | CD182931 | Tô Thanh Bình       | 23/04/2000 | 7,5                                        |       | Bình      |          |
| 3   | CD182820 | Nguyễn Minh Chiến   | 02/06/1999 | 6,0                                        |       | Chiến     |          |
| 4   | CD183058 | Nguyễn Văn Chiêu    | 28/07/1996 | 5,0                                        |       | Chiêu     |          |
| 5   | CD182698 | Nguyễn Khoa Chung   | 24/11/2000 | Không được thi do không hoàn thành học phí |       |           |          |
| 6   | CD182973 | Lưu Hải Đăng        | 01/09/1999 | 6,5                                        |       | Đăng      |          |
| 7   | CD182169 | Bùi Thành Đạt       | 29/11/2000 | 5,0                                        |       | Đạt       |          |
| 8   | CD182358 | Nguyễn Tiến Đạt     | 03/12/2000 | 7,5                                        |       | Đạt       |          |
| 9   | CD182172 | Lê Minh Đức         | 20/11/2000 | 5,5                                        |       | Đức       |          |
| 10  | CD170735 | Nguyễn Minh Đức     | 15/08/1999 | 6,0                                        |       | Đức       |          |
| 11  | CD183022 | Trương Đức Duy      | 10/09/2000 | 8,0                                        |       | Duy       |          |
| 12  | CD182707 | Đoàn Hữu Hiệp       | 19/04/2000 | 9,0                                        |       | Hiệp      |          |
| 13  | CD173889 | Bùi Đình Trung Hiếu | 24/10/1999 | 6,0                                        |       | Hiếu      |          |
| 14  | CD182623 | Đàm Viết Hiếu       | 16/12/2000 | 6,5                                        |       | Hiếu      |          |
| 15  | CD182751 | Nguyễn Xuân Hiếu    | 12/10/1997 | 7,0                                        |       | Hiếu      |          |
| 16  | CD182807 | Lương Việt Hoàng    | 15/03/2000 | 9,0                                        |       | Hoàng     |          |
| 17  | CD182141 | Vũ Huy Hoàng        | 25/05/1999 | 8,5                                        |       | Hoàng     |          |
| 18  | CD182168 | Lê Văn Huân         | 27/12/2000 | 7,0                                        |       | Huân      |          |
| 19  | CD182260 | Nguyễn Đức Hùng     | 04/11/2000 | 7,0                                        |       | Hùng      | (7,0) no |
| 20  | CD182309 | Nguyễn Đức Hùng     | 16/10/2000 | 8,0                                        |       | Hùng      |          |
| 21  | CD182251 | Nguyễn Hữu Huỳnh    | 29/09/2000 | 8,0                                        |       | Huỳnh     |          |
| 22  | CD183160 | Lưu Văn Khánh       | 24/06/1999 | 8,5                                        |       | Khánh     |          |
| 23  | CD182805 | Đỗ Quang Lâm        | 22/08/2000 | 9,0                                        |       | Lâm       |          |
| 24  | CD182435 | Trần Huy Liêm       | 07/07/2000 | Không được thi do không hoàn thành học phí |       |           |          |
| 25  | CD182598 | Nguyễn Đức Long     | 16/11/2000 | 5,5                                        |       | Long      |          |
| 26  | CD182846 | Nguyễn Hoàng Long   | 26/08/2000 | 6,0                                        |       | Long      |          |
| 27  | CD182166 | Nguyễn Văn Long     | 01/11/2000 | 4,5                                        |       | Long      |          |
| 28  | CD182994 | Lưu Văn Lượng       | 25/10/2000 | 7,0                                        |       | Lượng     |          |
| 29  | CD182551 | Bùi Hoài Nam        | 11/10/2000 | 7,0                                        |       | Nam       |          |
| 30  | CD182890 | Nguyễn Phương Nam   | 05/10/2000 | 6,0                                        |       | Nam       |          |
| 31  | CD182394 | Đào Hải Ninh        | 17/06/2000 | 6,5                                        |       | Ninh      |          |
| 32  | CD180389 | Tạ Anh Quân         | 26/07/2000 | 9,0                                        |       | Quân      |          |
| 33  | CD183037 | Nguyễn Xuân Quang   | 11/01/2000 | 7,5                                        |       | Quang     |          |
| 34  | CD182369 | Nguyễn Hoài Sơn     | 21/10/2000 | 9,0                                        |       | Sơn       |          |
| 35  | CD182555 | Bùi Đức Tiến        | 20/05/1999 | 8,5                                        |       | Tiến      |          |



| STT | Mã SV    | Họ và tên      | Ngày sinh  | Điểm | Số tờ | Chữ ký SV | Ghi chú |
|-----|----------|----------------|------------|------|-------|-----------|---------|
| 36  | CD182955 | Hoàng Văn Tiến | 22/03/2000 | 8,0  |       | Tiến      |         |
| 37  | CD182851 | Lê Văn Tiến    | 04/04/2000 | 9,0  |       | Tiến      |         |
| 38  | CD182793 | Vũ Đình Trường | 04/12/2000 | 5,5  |       | Trường    |         |
| 39  | CD182481 | Nguyễn Bá Tuấn | 29/08/2000 | 6,0  |       | Tuấn      |         |
| 40  | CD182616 | Đỗ Đức Việt    | 15/08/2000 | 6,5  |       | Việt      |         |
| 41  | CD182451 | Chu Văn Xuân   | 17/09/2000 | 8,0  |       | Xuân      |         |

Tổng số sinh viên dự thi: 29..

Số sinh viên đạt: 37

Tổng số tờ giấy thi: .....

Ngày giáo viên nộp điểm: .....

Hạn cuối nộp điểm: .....

**PHÒNG ĐÀO TẠO**

*Trần Thị Như Trang*

Trần Thị Như Trang

**CÁN BỘ CHẤM THI**

*Đương Thanh Thương*

CÁN BỘ CỎI THI 1

*Nguyễn Quang Tuấn*

Nguyễn Quang Tuấn

**TRƯỞNG KHOA**

*Nguyễn Văn Hải*

CÁN BỘ CỎI THI 2

CHỦ NHIỆM KHOA  
GVC. Nguyễn Văn Hải